

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày 17 - 01 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay, mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng G.

Bà Phạm Hồng Ân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay, mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 543/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Bà Phan Thị N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Bà Ngô Thị Trúc M (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Ông Lê Vũ Trường G, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 04/5/2019, bà Phan Thị N có mua điện thoại Samsung tại cửa hàng của ông nợ số tiền 7.000.000 đồng, bà M có ký biên nhận nợ, bà N nợ 1.000.000 đồng. Vào ngày 07/11/2019, bà Phan Thị N mượn ông số tiền 4.360.000 đồng, bà N có ký tên vào biên nhận nợ. Cùng ngày bà N có mua điện thoại Oppo tại cửa hàng còn nợ ông 1.890.000 đồng, bà N có ký tên. Tổng 03 khoản tiền bà N còn nợ 12.250.000 đồng. Quá trình mua điện thoại, hỏi tiền thì bà N, bà M đều có mặt, bà N có giao cho ông 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 69-AH 020.20 do bà N đứng tên. Ngày 06/02/2022, bà L và ông Lê Vũ Trường G trả 2.250.000 đồng, bà L và ông G nhận bảo lãnh trả thay cho bà N, bà M số tiền 10.000.000 đồng, có ký tên vào biên nhận. Từ khi nợ tiền mua hàng hòa, nợ tiền vay đến nay bà N, bà M, bà L và ông G không trả nợ như thỏa thuận, cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G trả số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/02/2022.

Bị đơn là bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Việc ông Nguyễn Việt S yêu cầu bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G phải liên đới trả tiền từ việc mua hàng hóa, tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ông Nguyễn Việt S xác định bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M có thỏa thuận mua hàng hóa tại cửa hàng của ông, quá trình mua hàng hóa, mượn tiền bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G lãnh trả nợ hiện còn nợ của ông tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G cùng có ký tên vào các giấy tờ mua hàng và nhận nợ. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, vay tài sản được quy định tại các điều 430, 440, 463 và 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. *Về nội dung*: Bà Phan Thị N có mua điện thoại nợ ông S số tiền 7.000.000 đồng, bà M có ký biên nhận nợ, bà N nợ 1.000.000 đồng. Vào ngày 07/11/2019, bà Phan Thị N mượn ông S số tiền 4.360.000 đồng, bà N có ký tên vào biên nhận nợ. Bà N có mua điện thoại Oppo tại cửa hàng còn nợ ông 1.890.000 đồng, bà N có ký tên. Tổng 03 khoản tiền bà N còn nợ 12.250.000

đồng. Quá trình mua điện thoại, hỏi tiền thì bà N, bà M đều có mặt, bà N có giao cho ông S 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 69-AH 020.20 do bà N đứng tên.

Ngày 06/02/2022, bà L và ông Lê Vũ Trường G trả 2.250.000 đồng, bà L và ông G nhận bảo lãnh trả thay cho bà N, bà M số tiền 10.000.000 đồng, có ký tên vào biên nhận. Từ khi còn nợ đến nay, bị đơn không trả đúng hạn như thỏa thuận. Đã qua, bà L và ông G có thỏa thuận bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ nhưng từ khi trả số tiền 2.250.000 đồng còn nợ 10.000.000 đồng đến nay thì không trả tiếp như thỏa thuận, do đó bị đơn cùng vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của ông S là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông S có cung cấp 01 Hợp đồng mua bán điện thoại và 03 biên nhận nợ có các bị đơn ký tên, điểm chỉ xác nhận nợ phù hợp nội dung yêu cầu khởi kiện.

[5]. Về lãi suất: Ông Nguyễn Việt S yêu cầu tính án phí theo quy định của pháp luật, do bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G đã vi phạm nghĩa vụ từ ngày 06/02/2022 nên kể từ ngày 06/02/2022 nên án phí được tính từ ngày 06/02/2022 đến ngày 17/01/2023 là 11 tháng 11 ngày. Số tiền được tính: 10.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 11 tháng 11 ngày = 1.886.753 đồng. Như vậy, tổng vốn và lãi là 11.886.753 đồng.

[6]. Đối với các bị đơn không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Do các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S là buộc bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền là 11.886.753 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G cùng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi, theo quy định của pháp luật thuộc diện miễn án phí nhưng do bà L nhiều lần vắng mặt, không làm đơn yêu cầu miễn án phí nên bà phải án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 430, 440, 463 và 468 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường G có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 11.886.753 đồng (mười một triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Phan Thị N, bà Ngô Thị Trúc M, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Vũ Trường Gian có trách nhiệm liên đới chịu 594.337 đồng (năm trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018255 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước